

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, Thị Trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79,869,639,553	76,122,261,281
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4,252,298,916	4,521,461,323
1. Tiền	111	V.1	4,252,298,916	4,521,461,323
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49,432,893,681	49,663,753,903
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	19,546,389,994	18,029,279,654
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9,743,493,466	18,640,843,281
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	20,000,000,000	6,300,000,000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.6	143,010,221	6,693,630,968
IV. Hàng tồn kho	140		25,931,624,621	21,222,857,489
1. Hàng tồn kho	141	V.5	25,931,624,621	21,222,857,489
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		252,822,335	714,188,566
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5,949,972
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		252,822,335	708,238,594
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25,157,534,981	32,520,311,770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		106,922,000	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.6	106,922,000	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11,526,972,772	16,285,075,107
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	10,683,895,772	16,285,075,107
- nguyên giá	222		14,865,838,180	19,841,113,634
- giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(4,181,942,408)	(3,556,038,527)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	843,077,000	-
- nguyên giá	225		1,132,627,272	-
- giá trị hao mòn lũy kế	226		(289,550,272)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- nguyên giá	228		-	-
- giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- nguyên giá	241		-	-
- giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13,401,100,000	16,144,310,393
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	13,401,100,000	17,500,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	V.9	-	(1,355,689,607)
V. Tài sản dài hạn khác	260		122,540,209	90,926,270
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	122,540,209	90,926,270
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		105,027,174,534	108,642,573,051
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ				
I. Nợ ngắn hạn	310		28,451,638,784	27,219,436,769
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	10,397,834,749	12,000,000,000
2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9,573,298,487	10,922,213,483
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	7,969,084,576	3,110,044,997
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		511,420,972	1,059,691,031
5. Phải trả người lao động	315		-	127,487,258
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,349,920,565	8,177,712,365
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.11	1,349,920,565	8,177,712,365
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75,225,615,185	73,245,423,917
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	75,225,615,185	73,245,423,917
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68,000,000,000	68,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		68,000,000,000	68,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7,225,615,185	5,245,423,917
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421A		5,245,423,917	1,574,168,072
- LNST chưa phân phối cuối kỳ này	421B		1,980,191,268	3,671,255,845
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		105,027,174,534	108,642,573,051

Người lập biểu

Toan

Trần Thị Toan

Kế toán trưởng

Toan

Trần Thị Toan



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, Thị Trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

BAO CAO TÀI CHÍNH: Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý III/2016

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý III	
			Năm nay	Năm Trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	12,908,514,000	16,083,624,336	66,065,532,320	69,131,360,209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp	10		12,908,514,000	16,083,624,336	66,065,532,320	69,131,360,209
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12,395,128,528	12,539,916,050	58,202,715,063	60,629,992,743
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		513,385,472	3,543,708,286	7,862,817,257	8,501,367,466
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	(99,311,918)	189,262,364	1,565,783	407,288,175
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(937,509,837)	959,000,972	72,779,976	1,666,250,338
- trong đó: chi phí lãi vay	23		418,179,770	348,940,649	1,428,469,583	1,056,190,015
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	377,541,725	992,186,881	3,094,947,565	3,576,065,267
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	207,331,571	167,312,692	1,321,791,190	500,608,341
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh	30		766,710,095	1,614,470,105	3,374,864,309	3,165,731,695
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2,588,350,285		5,390,168,466	113,636,364
12. Chi phí khác	32	VI.8	2,542,031,649		6,289,793,690	385,430,580
	33				6,289,793,690	
	34					
13. Lợi nhuận khác	40		46,318,636	-	(899,625,224)	(271,794,216)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		813,028,731	1,614,470,105	2,475,239,085	2,893,937,479
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		495,047,817	355,183,423	495,047,817	636,666,245
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		317,980,914	1,259,286,682	1,980,191,268	2,257,271,234

Người lập biểu

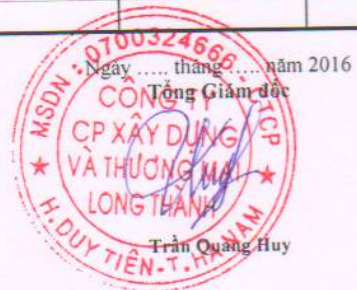
Toan

Trần Thị Toan

Kế toán trưởng

Toan

Trần Thị Toan



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, Thị Trấn Hòa Mạc, Huyện Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý III/2016

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		52,949,184,791	21,784,481,423
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(52,516,896,165)	(8,675,067,359)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(479,115,596)	(419,172,136)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(470,786,095)	(379,355,033)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05			(4,249,525)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		18,419,932,059	2,402,055,030
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(12,163,684,416)	(1,354,304,348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5,738,634,578	13,354,388,052
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		45,454,545	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33,401,100,000)	(17,264,950,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		37,500,000,000	4,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		944,721	83,329
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4,145,299,266	(13,264,866,671)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			1,989,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,480,000,000	3,450,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(13,607,548,251)	(7,229,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(25,548,000)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(17,056,633)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10,153,096,251)	(1,807,056,633)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(269,162,407)	(1,717,535,252)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4,521,461,323	6,135,657,501
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	V.1	4,252,298,916	4,418,122,249

Ngày tháng năm 2016

Người lập biểu

Tom

Kế toán tru

Tom



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700324666 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2009 và được đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 26 tháng 03 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 26/03/2015 là 68.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Sáu mươi tám tỷ đồng*) tương đương với 6.800.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại vật liệu xây dựng
Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. *Chi tiết: Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống.*
- Phá dỡ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng (gạch, ngói, xi măng, đá, cát, sỏi...)*
- Mua bán trang trí nội thất.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Đại lý môi giới đầu giá. *Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa.*
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Buôn bán sắt thép.*
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. *Chi tiết: Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.*
- Mua bán và chế biến than các loại.
- Khai thác than đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05-50 năm
- Máy móc thiết bị	05-25 năm
- Phương tiện vận tải	01- 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03- 10 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh được dự kiến tạo ra.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán được từng đội theo dõi và chịu trách nhiệm.

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận khi Công ty nhận được hàng hóa, dịch vụ từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu là các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại trong kỳ của Công ty.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong năm.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh sau: gạch, thép, vận chuyển...

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường cụ thể và có rủi ro, lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Hà Nam do đó Công ty không lập báo cáo thứ yếu theo khu vực địa lý.

24. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Mẫu số B09a-DN

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/09/2016	01/01/2016
Tiền mặt	2,290,539,537	2,512,382,709
Tiền gửi ngân hàng	1,961,759,379	2,009,078,614
- Tiền gửi ngân hàng VND	1,961,759,379	2,009,078,614
Tiền VND NH TMCP Á Châu- CN Hà Nam	13,376,849	3,491,560
Tiền VND NH NN & PTNT Việt nam - CN Duy Tiên	1,180,892	67,670,939
Tiền VND NH TMCP Kỹ thương Việt Nam- CN Hưng Yên	1,357,483	9,645,526
Tiền VND NH Công thương- CN Hòa Mạc	1,274,288	208,290,801
Tiền VND NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Hà Nam	1,944,049,890	1,719,459,811
Tiền VND NH TMCP Sài Gòn Thường Tín	519,977	519,977
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	4,252,298,916	4,521,461,323

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		-		-
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên)	5,167,144,916	-	1,660,909,916	-
Công ty TNHH Phúc Hưng	3,546,235,000		-	
Công ty CP XD Số 1 Long Thành	1,620,909,916		1,660,909,916	
Phải thu khách hàng khác	14,379,245,078		16,368,369,738	
Cộng	19,546,389,994		18,029,279,654	

3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/09/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Gạch Đại Hoàng	1,956,150,945	-
Công ty TNHH VLXD Hương Bông	1,502,194,596	-
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hamico	2,196,074,999	7,617,544,756
Công ty Cổ phần thương mại Hamico	-	9,980,240,001
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hồng Phát	2,613,846,700	-
Các công ty khác	1,475,226,226	1,043,058,524
Cộng	9,743,493,466	18,640,843,281

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

4 . PHẢI THU KHÁC VÀ PHẢI THU CHO VAY

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	20,143,010,221	-	19,493,630,968	-
- Phải thu khác	143,010,221	-	6,693,630,968	-
Tạm ứng	-	-	6,500,000,000	-
<i>Bà Phạm Thị Hồng Chuyên</i>	-	-	6,500,000,000	-
Phải thu khác	143,010,221	-	193,630,968	-
- Các khoản cho vay	20,000,000,000	-	6,300,000,000	-
<i>Ông Nguyễn Quang Thắng</i>	9,000,000,000	-	-	-
<i>Ông Nguyễn Văn Hùng</i>	6,000,000,000	-	-	-
<i>Ông Nguyễn Văn Hưng</i>	5,000,000,000	-	6,300,000,000	-
b) Dài hạn	106,922,000	-	-	-
- <i>Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược</i>	106,922,000	-	-	-
Cộng	20,249,932,221	-	19,493,630,968	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	366,847,498	-	406,668,803	-
Hàng hóa	25,564,777,122	-	20,816,188,686	-
Cộng	25,931,624,620	-	21,222,857,489	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mẫu số B09a-DN

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ khác		Cộng
I. Nguyên giá											
Số dư đầu năm	350,640,908	15,205,000,000	4,240,472,726	45,000,000	19,841,113,634						19,841,113,634
Tăng trong năm		2,991,088,182			2,991,088,182						2,991,088,182
- Mua trong năm		2,991,088,182			2,991,088,182						2,991,088,182
- Đầu tư XD/CB hoàn thành											
- Tăng khác											
Giảm trong năm		5,936,363,636	2,030,000,000								7,966,363,636
- Chuyển sang BDS đầu tư											
- Thanh lý, nhượng bán		5,936,363,636	2,030,000,000								7,966,363,636
- Giảm khác											
Số dư cuối năm	350,640,908	12,259,724,546	2,210,472,726	45,000,000	14,865,838,180						14,865,838,180
II. Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm	214,750,235	2,133,460,964	1,190,528,941	17,298,387	3,556,038,527						3,556,038,527
Tăng trong kỳ	52,596,135	1,911,881,851	364,469,695	25,560,567	2,354,508,248						2,354,508,248
- Số khấu hao trong kỳ	52,596,135	1,911,881,851	364,469,695	25,560,567	2,354,508,248						2,354,508,248
Giảm trong kỳ		1,522,383,933	206,220,434		1,728,604,367						1,728,604,367
- Thanh lý, nhượng bán		1,522,383,933	206,220,434		1,728,604,367						1,728,604,367
- Giảm khác		-									
Số dư cuối kỳ	267,346,370	2,522,958,882	1,348,778,202	42,858,954	4,181,942,408						4,181,942,408
III. Giá trị còn lại											
1. Số dư đầu kỳ	135,890,673	13,071,539,036	3,049,943,785	27,701,613	16,285,075,107						16,285,075,107
2. Số dư cuối kỳ	83,294,538	9,736,765,664	861,694,524	2,141,046	10,683,895,772						10,683,895,772

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm				-
Tăng trong kỳ	1,132,627,272	-	-	1,132,627,272
- Thuê tài chính trong kỳ	1,132,627,272			1,132,627,272
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1,132,627,272	-	-	1,132,627,272
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm				-
Tăng trong kỳ	289,550,272	-	-	289,550,272
- Số khấu hao trong kỳ	289,550,272			289,550,272
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ	289,550,272	-	-	289,550,272
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
2. Số dư cuối kỳ	843,077,000	-	-	843,077,000

10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ
Cộng

30/09/2016	01/01/2016
122,540,209	96,876,242
122,540,209	96,876,242

11 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	10,379,834,749	10,379,834,749	12,000,000,000	12,000,000,000
Vay ngắn hạn VND	10,379,834,749	10,379,834,749	12,000,000,000	12,000,000,000
Ngân hàng NN & PTNT huyện Duy Tiên (*)	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	379,834,749	379,834,749	2,000,000,000	2,000,000,000
Vay cá nhân		-		-
b) Vay dài hạn	506,843,565	-	8,177,712,365	8,177,712,365
Ngân hàng TMCP Á Châu (**) Chi nhánh Hà Nam	-	-	7,456,167,000	7,456,167,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (****)	506,843,565		721,545,365	721,545,365
b) Thuê tài chính	843,077,000	843,077,000	-	-
Thuê tài chính ngân hàng Á Châu	843,077,000	843,077,000	-	-
Cộng	11,729,755,314	11,222,911,749	20,177,712,365	20,177,712,365

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Mẫu số B09a-DN

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13,401,100,000	13,401,100,000	17,500,000,000	16,144,310,393
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên	13,401,100,000	13,401,100,000	17,500,000,000	16,144,310,393
<i>Công ty Cổ phần Sông Hồng 12</i>	13,401,100,000	13,401,100,000	17,500,000,000	16,144,310,393
- Đầu tư vào công ty khác	-	-	-	-
Cộng	13,401,100,000	13,401,100,000	17,500,000,000	16,144,310,393

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	7,503,207,250		9,396,433,771	
Công ty CP Khoáng sản VLXD Hưng Long	-		4,312,319,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thiên Trần Vũ	3,300,034,980		-	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim màu	478,825,000		1,512,500,000	-
Công ty Cổ phần Sông Hồng 12	-		2,488,062,501	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hamico	1,600,000,000		-	-
Công ty TNHH Kim Thành	1,083,552,270		1,083,552,270	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Đại Nam Việt	1,040,795,000		-	
Các khoản phải trả người bán khác	2,070,091,237		1,525,779,712	
Cộng	9,573,298,487	-	10,922,213,483	-

13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2016	01/01/2016
Công ty Cổ phần Gạch Đại Hoàng	1,846,129,708	-
Công ty Cổ phần Quang Minh Hamico	1,099,000,000	-
Công ty Cổ phần Thương mại VLXD Hamico	2,176,315,000	2,176,315,000
Các công ty khác	2,847,639,868	933,729,997
Cộng	7,969,084,576	3,110,044,997

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	30/09/2016	01/01/2016
Vốn góp của công ty mẹ			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	68,000,000,000	68,000,000,000
Cộng		68,000,000,000	68,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/09/2016	01/01/2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	68,000,000,000	16,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ		52,000,000,000
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	68,000,000,000	68,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ kế toán từ ngày 01/07/2016 đến ngày 30/09/2016

Mẫu số B09a-DN

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	16,000,000,000					1,574,168,072	17,574,168,072
Tăng vốn năm trước	52,000,000,000					3,671,255,845	52,000,000,000
Lãi trong năm trước						3,671,255,845	3,671,255,845
Tăng khác						-	-
Giảm vốn trong năm trước						-	-
Giảm khác						-	-
Số dư cuối năm trước	68,000,000,000					5,245,423,917	73,245,423,917
Tăng vốn trong kỳ này							
Lãi trong kỳ này						1,980,191,268	1,980,191,268
Tăng khác						-	-
Giảm vốn trong kỳ này						-	-
Lỗ trong kỳ này						-	-
Giảm khác						-	-
Số dư cuối kỳ này	68,000,000,000					7,225,615,185	75,225,615,185

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

d) Cổ phiếu

	30/09/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,800,000	6,800,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,800,000	6,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,800,000	6,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6,800,000	6,800,000
- Cổ phiếu phổ thông	6,800,000	6,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016	
	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	66,065,532,320	69,131,360,209
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Cộng	66,065,532,320	69,131,360,209

3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016	
	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng đã bán	58,202,715,063	60,629,992,743
- Giá vốn cung cấp dịch vụ		
Cộng	58,202,715,063	60,629,992,743

4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1,565,783	407,288,175
Cộng	1,565,783	407,288,175

5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	1,428,469,583	1,666,250,338
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(1,355,689,607)	
Cộng	72,779,976	1,666,250,338

6 . THU NHẬP KHÁC

	Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016	
	Năm nay	Năm trước
- Lãi do thanh lý tài sản	5,390,168,466	113,636,364
Cộng	5,390,168,466	113,636,364

7 . CHI PHÍ KHÁC

	Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016	
	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	6,237,759,269	385,345,028
- Các khoản bị phạt	52,034,421	-
- Các khoản chi phí khác	-	85,552
Cộng	6,289,793,690	385,430,580

8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Lũy kế từ đầu năm tới Quý III/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
Địa chỉ: Phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,321,791,190	500,608,341
Chi phí bán hàng	3,094,947,565	3,576,065,267
Cộng	4,416,738,755	4,076,673,608

6 . Số liệu so sánh

Năm 2016 là năm đầu tiên công ty thực hiện soát xét báo cáo tài

7 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8 . Những thông tin

Ngoài những thông tin đã trình bày trên,

Hà Nội, ngày Tháng Năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Toan

Toan

Trần Thị Toan

Trần Thị Toan



Tổng Giám đốc

Trần Quang Huy